Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8504.10.00

Mã HS	8504.10.00
Mô tả hàng hóa	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Chấn lưu dùng cho đèn phóng hoặc ống phóng
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	10/11/2026 05:21:24
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85041000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	22.5	22,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14953
Thuế NK ưu đãi (MFN)	15	15%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14953
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14953
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-TH)	0% (trừ TH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-TH)	0% (trừ TH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	3	3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	6	6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E14249
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14190
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14190
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14190
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14190
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14190
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14190
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E14244
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F14244

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G14244
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H14244
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I14244
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J14244
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E14245
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F14245
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G14245
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H14245
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I14245
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J14245
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F14248
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14196
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F14204
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G14204
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H14204
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I14204
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J14204
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K14204
VKFTA	2022	2022	0	VK!E14235
VKFTA	2023	2023	0	VK!F14235
VKFTA	2024	2024	0	VK!G14235
VKFTA	2025	2025	0	VK!H14235
VKFTA	2026	2026	0	VK!I14235
VKFTA	2027	2027	0	VK!J14235
VCFTA	2022	2022	3	VC!D14290
VCFTA	2023	2023	1	VC!E14290

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14290
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14290
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14290
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14290
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D14267
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E14267
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F14267
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G14267
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H14267
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I14267
AHKFTA	2022	2022	9	AKH!D14267
AHKFTA	2023	2023	6	AKH!E14267
AHKFTA	2024	2024	6	AKH!F14267
AHKFTA	2025	2025	3	AKH!G14267
AHKFTA	2026	2026	3	AKH!H14267
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I14267
EVFTA	2022	2022	7,5	EV-NK!D14282
EVFTA	2023	2023	5	EV-NK!E14282
EVFTA	2024	2024	2,5	EV-NK!F14282
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14282
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14282
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14282
UKVFTA	2022	2022	7,5	UKV!D14281
UKVFTA	2023	2023	5	UKV!E14281
UKVFTA	2024	2024	2,5	UKV!F14281
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14281

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14281
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14281
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14274
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14274
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14274
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14274
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14274
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14274
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14274
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D14269
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E14269
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F14269
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G14269
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H14269
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I14269
RCEP B	2022	2022	0	B!D14269
RCEP B	2023	2023	0	B!E14269
RCEP B	2024	2024	0	B!F14269
RCEP B	2025	2025	0	B!G14269
RCEP B	2026	2026	0	B!H14269
RCEP B	2027	2027	0	B!I14269
RCEP C	2022	2022	0	C!D14269
RCEP C	2023	2023	0	C!E14269
RCEP C	2024	2024	0	C!F14269
RCEP C	2025	2025	0	C!G14269
RCEP C	2026	2026	0	C!H14269

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I14269
RCEP D	2022	2022	0	D!D14268
RCEP D	2023	2023	0	D!E14268
RCEP D	2024	2024	0	D!F14268
RCEP D	2025	2025	0	D!G14268
RCEP D	2026	2026	0	D!H14268
RCEP D	2027	2027	0	D!I14268
RCEP E	2022	2022	0	E!D14272
RCEP E	2023	2023	0	E!E14272
RCEP E	2024	2024	0	E!F14272
RCEP E	2025	2025	0	E!G14272
RCEP E	2026	2026	0	E!H14272
RCEP E	2027	2027	0	E!I14272
RCEP F	2022	2022	0	F!D14269
RCEP F	2023	2023	0	F!E14269
RCEP F	2024	2024	0	F!F14269
RCEP F	2025	2025	0	F!G14269
RCEP F	2026	2026	0	F!H14269
RCEP F	2027	2027	0	F!I14269
VIFTA	2024	2024	12	VI!F13267
VIFTA	2025	2025	9	VI!G13267
VIFTA	2026	2026	6	VI!H13267
VIFTA	2027	2027	3	VI!I13267

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: KTCN về hiệu suất năng lượng và dán nhãn năng lượng (1725/QĐ-BCT 2024)		1725/QĐ-BCT	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8504.10.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 15% của mã 8504.10.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14953), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
KTCN về hiệu suất năng lượng và dán nhãn năng lượng (1725/QĐ-BCT 2024)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.